

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08-5-2023

V/v ly hôn giữa chị D và anh S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quốc Mậu.

2. Ông Nguyễn Công Bằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-4-2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị D, sinh năm 1993.

2. **Bị đơn:** Anh Triệu Quang S, sinh năm 1986.

Đều cư trú tại: Thôn Bồi Xuyên Hạ, xã Cộng Hòa, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị D, anh S vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 06-3-2023, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cộng Hòa, huyện V, tỉnh Nam Định ngày 05-01-2011. Sau kết hôn, anh chị sống hòa thuận được khoảng 03 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S hay uống rượu, khi chị khuyên ngăn thì anh S đánh, chửi chị. Thậm chí có lần vợ chồng xảy ra xô xát thì anh S đã cầm dao chém chị. Sau đó chị đã tha thứ cho anh S, tuy nhiên, anh S vẫn không thay

đôi. Thời gian gần đây mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng. Đầu tháng 10-2022, anh S lại cầm dao đuổi chị nên chị về nhà bố mẹ để sinh sống một thời gian. Hiện nay, chị đang đi thuê nhà ở riêng; vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 10-2022 đến nay. Từ thời điểm sống ly thân chị và anh S không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa.

Chị D xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, chị không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là các cháu Triệu Quốc V, sinh ngày 06-11-2011 và Triệu Bảo V1, sinh ngày 30-9-2015. Hiện nay cháu V đang được chị D nuôi dưỡng; cháu V1 được anh S nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Tuy nhiên, anh S cũng có nguyện vọng được nuôi con và cháu V1 có nguyện vọng được ở cùng bố. Vì vậy chị đồng ý để anh S nuôi cháu V1, chị nhận nuôi cháu V. Chị và anh S đều có sức khỏe, làm nghề kinh doanh tự do có thu nhập ổn định nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản, công nợ và những nội dung khác liên quan: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và quá trình làm việc, anh Triệu Quang S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của anh S về điều kiện và thời gian kết hôn của vợ chồng giống như lời trình bày của chị D. Theo anh S, sau ngày kết hôn thì vợ chồng sống hòa thuận đến thời điểm tháng 10-2022 chị D chuyển ra ngoài sinh sống. Theo anh S thì nguyên nhân mâu thuẫn gia đình xuất phát từ kinh tế. Mặc dù anh chị là vợ chồng, làm ăn với nhau nhưng hạch toán kinh tế riêng. Cũng xuất phát từ tiền bạc, vợ chồng hiểu lầm nhau nên dẫn đến cãi nhau, trong lúc nóng giận anh có cầm dao dọa chị D nên chị D chuyển ra ngoài sinh sống. Từ tháng 10-2022 đến nay anh chị sống ly thân.

Chị D xin ly hôn, anh rất mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau để nuôi dạy con cái. Vì vậy, anh S không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là các cháu Triệu Quốc V, sinh ngày 06-11-2011 và Triệu Bảo V1, sinh ngày 30-9-2015. Nếu phải ly hôn, thì quan điểm của anh S là mỗi người nuôi dưỡng 01 con; anh nhận nuôi cháu V1, để chị D nuôi cháu V; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay anh đang làm nghề kinh doanh tự do và có xe chở hàng riêng nên có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 18 tháng 4 năm 2023, chính quyền địa phương cung cấp: Anh Triệu Quang S hiện đang sinh sống tại thôn Bối Xuyên Hạ, xã Cộng Hoà, huyện V, tỉnh Nam Định. Anh S sinh sống và làm kinh tế tại địa phương.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị D và anh Triệu Quang S.

+ Về con chung: Giao cháu Triệu Quốc V, sinh ngày 06-11-2011 cho chị D nuôi dưỡng; giao cháu Triệu Bảo V1, sinh ngày 30-9-2015 cho anh S nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Triệu Quang S có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Cộng Hoà, huyện V, tỉnh Nam Định, do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Triệu Quang S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 05-01-2011 tại Ủy ban nhân dân xã Cộng Hoà, huyện V, tỉnh Nam Định. Như vậy, hôn nhân của chị D và anh S là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D là do anh S hay uống rượu vào đánh chửi chị; anh S cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế, trong quá trình làm ăn, vợ chồng hiểu lầm nhau nên dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Chị D và anh S đều xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 10-2022 đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị D và anh S không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và vợ chồng đã có thời gian sống ly thân. Như vậy, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D cương quyết xin ly hôn anh S, bản thân anh S muốn đoàn tụ gia đình nhưng không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân gia đình giữa chị D và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D và anh S có 02 con chung là các cháu Triệu Quốc V, sinh ngày 06-11-2011 và Triệu Bảo V1, sinh ngày 30-9-2015. Chị D và anh S đều có nguyện vọng để chị D nuôi dưỡng cháu V, anh S nuôi dưỡng cháu V1. Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh S đều có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định nên đều đủ điều kiện nuôi con; mặt khác cháu V có nguyện vọng được ở cùng mẹ, cháu V1 có nguyện vọng được ở cùng bố. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ giao cháu V cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu V1 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự, của các cháu và cũng phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị D và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị D và anh Triệu Quang S.

2. Về con chung:

- Giao cháu Triệu Quốc V, sinh ngày 06-11-2011 cho chị Trần Thị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu V trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

- Giao cháu Triệu Bảo V1, sinh ngày 30-9-2015 cho anh Triệu Quang S tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu V1 trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng. Chị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001620 ngày 16-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (Chị D đã nộp xong).

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị D và anh Triệu Quang S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Cộng Hoà;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm